

Bản án số: 50/2023/HS-ST
Ngày: 29 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Mến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Văn Cương và ông Lương Văn Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2023/TLST- HS ngày 07/11/2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 11 năm 2023 đối với **bị cáo:**

Triệu Thị B, sinh ngày 20/01/1984 tại T T, Q H, C B; nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Xóm L L, xã H P, huyện Q H, tỉnh C B; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn K và bà Triệu Thị H (đều đã chết); có chồng là Phan Văn H (đã chết) và có một con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Quảng Hòa từ ngày 31/8/2023 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Mông Thị N, sinh năm 1981;

Trú tại: Xóm L L, xã H P, huyện Q H, tỉnh C B; có mặt.

- Những người làm chứng:

1- Lê Thị H, sinh năm 1997;

Trú tại: Tổ dân phố H N, thị trấn Q U, huyện Q H, tỉnh C B.

2- Lê Văn H, sinh năm 1962;

Trú tại: Tổ dân phố P C, thị trấn Q U, Q H, C B.

3- Phan Thị N, sinh năm 1989;

Trú tại: Xóm L L, xã H P, huyện Q H, tỉnh C B.

4- Chu Phương A, sinh năm 1973;

Trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn H T, huyện Q H, tỉnh C B.

5- Ngọc Thị M, sinh năm 1984;

Trú tại: Xóm B L, xã H P, huyện Q H, tỉnh C B.

Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 31/8/2023 Công an xã Hạnh Phúc, huyện Quảng Hòa tiếp nhận đơn trình báo của bà Mông Thị N, trú tại L L, H P, Quảng Hòa về việc: Khoảng tháng 7/2023 bà N phát hiện bị mất số tiền 70.000.000đ (B mươi triệu đồng) để trong bao gạo đặt trong nồi nhôm để trước cửa buồng ngủ. Bà N nghi ngờ bà Triệu Thị B người cùng xóm đã lấy trộm tiền.

Sau khi tiếp nhận đơn trình báo, Công an xã Hạnh Phúc mời Triệu Thị B đến trụ sở Công an xã để làm việc; quá trình lấy lời khai B đã thừa nhận được lấy trộm số tiền của bà N với tổng số tiền là 64.000.000đ (Sáu mươi tư triệu đồng), cụ thể: Vào khoảng tháng 6/2023, Triệu Thị B cùng Mông Thị N từ nhà đi cấy lúa thuê tại xã Thị Ngân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng; buổi chiều cùng ngày khi quay về đến nhà bà N, Triệu Thị B ở lại ăn cơm tối tại nhà bà N. B đi đong gạo để nấu cơm, khi mở vào nồi nhôm bên trong nồi có bao đựng gạo để ở trước cửa phòng ngủ của con bà N để lấy gạo, thì B thấy bên dưới có 01 túi nilon màu hồng, bên trong là cọc tiền được bọc bằng giấy trắng, cuốn bằng dây nịt. Khi nhìn thấy cọc tiền B đã nảy sinh ý định lấy trộm, B liền lấy cọc tiền ném vào gầm giường trong phòng ngủ thứ hai rồi đi nấu cơm và ăn cơm với gia đình bà N xong B đi về nhà. Khoảng 03 ngày sau, B quay lại nhà bà N chơi, khi đó bà N, chồng và con của bà N cùng ở nhà; B quan sát thấy không ai để ý nên đã đi vào phòng ngủ với tay vào gầm giường cầm lấy cọc tiền ra ngoài rồi để vào ngăn kéo bàn gỗ ở trước cửa nhà bà N và ra về. Bốn ngày sau, B tiếp tục quay lại nhà bà N chơi và kiểm tra vẫn thấy tiền ở trong ngăn kéo bàn nên đã lấy cọc tiền về nhà. Khi về đến nhà B đem cọc tiền ra đếm có tổng cộng là 64.000.000đ (Sáu mươi tư triệu đồng) đều gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Sau đó, ngày 13/7/2023 B đem tiền đi trả nợ cho chị Ngọc Thị M (trú tại B L, H P, Q H) số tiền 2.000.000 đồng; nộp tiền lãi Ngân hàng Chính sách xã hội cho bà Phan Thị N (tổ trưởng tổ vay vốn) số tiền 1.077.000 đồng; ngày 16/7/2023 mua 01 đôi khuyên tai bằng vàng ta tại tiệm vàng Phương A thị trấn H T, Q H với số tiền 11.600.000 đồng; ngày 07/8/2023 B đến cửa hàng xe máy Ngân Thương tại thị trấn Quảng Uyên mua 01 chiếc xe máy điện với số tiền 17.500.000 đồng; trả bà Mông Thị N số tiền 10.000.000 đồng (do trước đó bà N đặt cọc với B để mua đất của B nhưng do mẹ chồng B không cho bán và B đã tiêu hết số tiền trên); ngày 09/8/2023 mua 01 tủ lạnh tại cửa hàng Hưng Sao ở thị trấn Quảng Uyên, Quảng Hòa số tiền

2.800.000 đồng. Ngoài ra, B đã chi tiêu mua đồ dùng sinh hoạt cá nhân và gia đình. Số tiền B trộm được còn lại 5.500.000 đồng.

Quá trình điều tra bà N khai, bà để cọc tiền trong bao gạo, do không thường xuyên kiểm tra số tiền nên không biết mất trộm vào thời gian nào, sau khi phát hiện bị mất tiền thì ngày 31/8/2023 bà N mới đến Cơ quan Công an để trình báo sự việc. Còn số tiền bà bị mất trộm là 64.000.000 đồng chứ không phải 70.000.000 đồng như đơn trình báo và lời khai ban đầu. Khi bà để tiền vào bao gạo tổng số là 70.000.000 đồng, nhưng sau đó đã lấy 6.000.000 đồng để chi tiêu sinh hoạt gia đình.

Ngày 31/8/2023, Triệu Thị B đã tự nguyện giao nộp các tài sản tại Cơ quan điều tra, gồm: 01 xe máy điện, nhãn hiệu YADEA, SPORT, loại Xmen NEO màu đen-đỏ, không có biển kiểm soát; 02 (hai) vòng kim loại màu vàng; 01 tủ lạnh Funiki, dung tích 90 lít, tủ đứng và số tiền 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt nam.

Tại kết luận định giá tài sản số: 32/KL-HĐĐGTS ngày 25/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Quảng Hòa, kết luận: 01 xe máy điện, nhãn hiệu YADEA, SPORT, loại Xmen NEO màu đen-đỏ có giá trị là 17.500.000đ (Mười B triệu năm trăm nghìn đồng); 01 tủ lạnh Funiki, dung tích 90 lít, tủ đứng có giá trị là 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng)

Ngày 29/9/2023, Công an huyện Quảng Hòa có Công văn gửi Tập đoàn Vàng bạc đá quý Kim Tín phối hợp xác định đối với 02 vòng kim loại màu vàng tạm giữ của Triệu Thị B. Quá trình làm việc, sau khi thử nghiệm xác định: 02 vòng kim loại màu vàng trên là vàng ta, có khối lượng 7,5gam (hai chỉ), có hàm lượng là 99,52%. Tháng 7/2023 giá hai chỉ vàng bán ra là 11.300.000đ.

Ngày 02/10/2023, bị hại Mông Thị N có đơn yêu cầu được nhận số tài sản và số tiền mà B đã nộp tại Cơ quan điều tra. Ngày 18/10/2023 Công an huyện Quảng Hòa đã trả lại các tài sản gồm: 01 xe máy điện, nhãn hiệu YADEA, SPORT, loại Xmen NEO màu đen- đỏ, không có biển kiểm soát; 02 (hai) vòng kim loại màu vàng; 01 tủ lạnh Funiki, dung tích 90 lít, tủ đứng và số tiền 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) cho bị hại Mông Thị N. Tổng trị giá tài sản và tiền mặt bị hại Mông Thị N đã nhận lại được là (xe máy điện 17.500.000đ + hai vòng kim loại màu vàng 11.600.000đ + tủ lạnh 2.800.000đ + tiền mặt 5.500.000đ) **37.400.000đ** (Ba mươi B triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 54/CT-VKSQH ngày 06/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Triệu Thị B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Triệu Thị B thừa nhận nội dung bản Cáo trạng phản ánh đúng hành vi phạm tội của mình, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

Bị hại Mông Thị N khai, khoảng tháng 7/2023 bà N phát hiện bị mất số tiền 64.000.000 đồng bà để trong bao gạo đặt trong nồi nhôm để trước cửa buồng ngủ, do không biết ai lấy trộm nên hơn tháng sau khi phát hiện mất tiền bà mới trình báo Công an. Nay bị hại đồng ý giá của xe máy điện và tủ lạnh như Hội đồng định giá đã định giá; còn vàng bị hại nhất trí 2 chỉ vàng có giá trị là 11.600.000 đồng (như lời khai của bị cáo). Bị hại đã nhận các tài sản mà bị cáo B dùng tiền trộm cắp được để mua gồm: 01 xe máy điện màu đen- đỏ; 02 (hai) vòng kim loại màu vàng; 01 tủ lạnh Funiki và số tiền 5.500.000đ. Tại phiên tòa bị hại Mông Thị N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền trộm cắp được chưa trả đủ cho bị hại và đề nghị xét xử bị cáo Triệu Thị B theo quy định của pháp luật.

Những người làm chứng vắng mặt nhưng đều có lời khai tại cơ quan điều tra thể hiện: Chị Lê Thị H được bán 01 xe máy điện, nhãn hiệu YADEA, SPORT, loại Xmen NEO màu đen-đỏ cho bị cáo B số tiền 17.500.000 đồng vào ngày 07/8/2023. Ông Lê Văn H được bán 01 chiếc tủ lạnh nhãn hiệu Funiki cho một người phụ nữ (không biết tên) trú tại xóm Lũng Luông, xã Hạnh Phúc số tiền 2.800.000 đồng. Chị Phan Thị N là tổ trưởng tổ vay vốn của Ngân hàng Chính sách tại xóm L L khai, do chị B đang nợ tiền Ngân hàng Chính sách nên trong tháng 7/2023 B đến nộp tiền lãi cho chị số tiền là 1.077.000 đồng. Bà Chu Phương A là chủ cửa hàng kinh doanh vàng bạc khai, trang sức bằng vàng bày bán tại cửa hàng bà có ký hiệu “VN” hoặc “MN”, do lượng khách hàng ngày đến cửa hàng giao dịch đông nên bà không nhớ chính xác ai đã mua với bà 2 bông hoa tai bằng vàng; thời điểm tháng 8/2023 giá vàng bán ra dao động từ 5.500.000đ đến 5.550.000đ/1 chỉ cộng với tiền công thợ chế tác. Chị Ngọc Thị M khai, trước đây chị B nợ tiền chị, ngày 03/7/2023 chị B đã trả chị Men số tiền 2.000.000 đồng.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như Cáo trạng; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Triệu Thị B từ 2 năm đến 3 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; do bị cáo không có nghề nghiệp và đang bị bệnh nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo đã trả một phần tiền và tài sản cho bị hại; buộc bị cáo phải trả lại cho bị hại N số tiền còn lại là 26.600.000 đồng theo quy định tại các Điều 580 và 589 Bộ luật dân sự. Về án phí, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại không tranh luận, bị cáo có lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ buộc tội: Lời khai nhận của bị cáo Triệu Thị B tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và lời khai của những người làm chứng gồm: Lê Thị H, Lê Văn H, Phan Thị N, Chu Phương A và Ngọc Thị M đã khai tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm bị hại bị mất tiền và khoảng thời gian bị cáo dùng tiền trộm cắp được đem đi mua sắm tài sản, trả nợ; phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ, nên đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Khoảng tháng 6 năm 2023 bị cáo Triệu Thị B đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 64.000.000đ (Sáu mươi tư triệu đồng) của bị hại Mông Thị N để trong bao gạo trong nhà riêng của bị hại N tại xóm L L, xã H P, huyện Q H. Sau khi lấy được tiền, bị cáo đã đem số tiền trộm cắp được đi mua đồ dùng gia đình, cá nhân và chi tiêu sinh hoạt cho gia đình; số tiền mặt còn lại thu được là 5.500.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo Triệu Thị B đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát huyện Quảng Hòa truy tố là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ quản lý tài sản để trộm cắp, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Không có tình tiết tăng nặng. Bị bệnh HIV giai đoạn I.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và ở phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện trả lại tài sản mà bị cáo dùng tiền trộm cắp được đi mua và số tiền mặt đã trộm cắp được cho bị hại. Do đó, bị cáo Triệu Thị B được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có bố đẻ là Đinh Văn K được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba nên được hưởng thêm tình tiết được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với Huân chương kháng chiến hạng ba của bà Triệu Thị Hón lưu trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo tại phiên tòa và qua nghiên cứu lý lịch của bị cáo thì mẹ của bị cáo B họ tên là Triệu Thị H; nên Hội đồng xét xử không xem xét Huân chương này.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, sau khi xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy để ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới thì việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định hình phạt bổ sung bằng tiền; xét thấy, do bị cáo làm nghề nông và đang bị bệnh nên Hội đồng xét xử không xử phạt hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 31/8/2023 bị cáo nộp các tài sản đã dùng tiền trộm cắp được đem mua gồm: 01 xe máy điện màu đen- đỏ; 02 (hai) vòng kim loại màu vàng; 01 tủ lạnh Funiki và số tiền trộm cắp được còn lại là 5.500.000đ tại cơ Công an huyện Quảng Hòa để trả cho bị hại; tổng giá trị tài sản và tiền mặt bị cáo đã trả lại bị hại là **37.400.000đ** (Ba mươi B triệu bốn trăm nghìn đồng); số tiền bị cáo trộm cắp chưa trả bị hại là (64.000.000đ - 37.400.000đ) **26.600.000đ** (Hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 580 và 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Triệu Thị B phải trả cho bị hại Mông Thị N số tiền là **26.600.000đ** (Hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

[8] Về án phí: Bị cáo Triệu Thị B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Bị cáo Triệu Thị B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Triệu Thị B 24 (Hai mươi tư) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 31/8/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 580 và 589 Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Triệu Thị B phải trả cho bị hại Mông Thị N, trú tại xóm L L, xã H P, huyện Q H, tỉnh C B số tiền là **26.600.000đ** (Hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Bị cáo Triệu Thị B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000đ và án phí dân sự có giá ngạch số tiền là 1.330.000đ; tổng cộng bị cáo phải chịu án phí số tiền là 1.530.000đ (Một triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKS tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Cơ quan THA hình sự;
- Trại giam;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Án văn, THA hình sự và HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Mến

